

Bản án số: 373/2024/HS-PT  
Ngày: 22 – 5 – 2024

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ

Ông Trần Ngọc Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 23/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 553/2023/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:**

1. **Dương Văn Đ**, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1998 tại Quảng Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú trước khi bị bắt: Nhà số A B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị Bích L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 12/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bỏ Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2022. (Có mặt)

2. **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1995 tại Quảng Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú trước khi bị bắt: Nhà số A B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn S và bà Phan

Thị L1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2022. (Có mặt)

*Người bào chữa theo chỉ định của Tòa án:*

Ông Huỳnh Đức T1 là Luật sư của Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Dương Văn Đ. (Có mặt)

Bà Trần Thị Huy C là Luật sư của Công ty L6 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 07/01/2022, tại trước nhà số F đường C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, khi Dương Văn Đ ôm theo 1 thùng xốp cùng Nguyễn Minh T và Phan Thanh T2 vừa từ trên xe ô-tô biển kiểm soát 94A-060.94 bước xuống thì bị tổ công tác gồm các cán bộ, chiến sĩ thuộc Cục cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ C1, đội 4 Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H, đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận B, đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T phối hợp cùng Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ trong thùng xốp gồm 06 (sáu) hộp nhựa màu trắng, bên trong mỗi hộp nhựa chứa nhiều viên nén màu cam, được Đ và T thừa nhận là ma túy. Phan Thanh T2 cũng được tổ công tác mời về trụ sở Công an P, quận T để làm việc.

Tại bản Kết luận giám định số 552/KLGD-MT ngày 14/01/2022, Phòng K2 Công an Thành phố H kết luận tổng số 4.485 viên nén màu cam thu giữ của Đ và T là ma túy ở thể rắn, loại MDMA, tổng khối lượng 2.794,39 gram. Khám xét chỗ ở của Đ và T, cơ quan Công an không thu giữ được tài liệu, vật chứng khác liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, Dương Văn Đ khai nhận: Do không có việc làm ổn định và bản thân là đối tượng nghiện ma túy, nên Đ đã rủ Nguyễn Minh T cũng là đối tượng nghiện ma túy, cùng thuê nhà trọ và góp tiền mua ma túy bán lại kiếm lợi nhuận để tiêu xài và mua ma túy sử dụng và được T đồng ý. Trước lần bị bắt quả tang, khoảng đầu tháng 12/2021 Đ sử dụng ứng dụng Telegram liên lạc với đối tượng tên K1, có tài khoản T3 tên “Tin T4” đặt mua của K1 số lượng 7.800 viên thuốc lắc (ma túy) với giá 585.000.000 đồng (75.000 đồng/viên); hai bên thỏa thuận khi nào Đ bán xong sẽ trả tiền cho K1. Sau đó K1 gửi ma túy từ ngoài Quảng Bình và Thành phố Hồ Chí Minh theo đường xe khách. Đ và T ra Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh nhận ma túy về, bán lại cho người tên X được 639.600.000 đồng (82.000 đồng/viên). Đ và T chuyển khoản số tiền 585.000.000 đồng để trả cho K1, còn lại chia nhau tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 05/01/2022, Đ góp 150.000.000 đồng, T góp 50.000.000 đồng để chuyển khoản cho K1 200.000.000 đồng, đặt mua 4.800

viên thuốc lắc với giá 408.000.000 đồng (85.000 đồng/viên). K1 hẹn sáng ngày 07/01/2022 thì Đ và T ra Bến xe M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, gặp nhà xe X1 để nhận ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 06/01/2022, Đ và T đi chơi, sau đó rủ thêm Phan Thanh T2 là bạn cùng quê đến căn hộ A chung cư L ở phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng sử dụng ma túy. Khoảng 9 giờ sáng ngày 07/01/2022, Đ và T đặt xe taxi công nghệ (G) biển kiểm soát 94A-060.94 đi ra Bến xe M nhận ma túy. T2 có đi cùng xe nhưng không biết mục đích của Đ, T. Đến bến xe, Đ vào nhà xe Xuân T5 nhận 1 thùng xốp có ghi: “Anh H, 1123 Quốc lộ A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0706854404” (là tên và địa chỉ giả mà Đ đã cung cấp cho K1), còn số điện thoại là của Đ đang sử dụng, để vào cốp sau xe ô-tô. Sau đó, Đ, T và T2 đi xe ô-tô theo hướng về Bình Dương. Quá trình di chuyển, Đ phát hiện lực lượng chức năng theo dõi nên đến trước cửa nhà số F đường C, phường A, quận T, Đ yêu cầu lái xe cho xe dừng lại để Đ, T và T2 xuống. Đ nói T2 mở cốp xe để Đ ôm thùng xốp chứa ma túy, định vứt bỏ ở vỉa hè thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt quả tang, đưa cả ba người về trụ sở Công an phường P, quận T.

Nguyễn Minh T khai nhận phù hợp với lời khai của Dương Văn Đ, thừa nhận đã hai lần cùng Đ mua ma túy của K1 gửi từ Quảng Bình và Thành phố Hồ Chí Minh, lần thứ nhất thực hiện trót lọt, lần thứ hai thì bị cơ quan chức năng bắt quả tang.

Trong giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mỗi cơ quan đã 01 (một) lần có văn bản trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ thêm một số vấn đề có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch các đối tượng có tên K1, X đã tham gia mua bán ma túy với Đ và T. Đồng thời qua xác minh, cơ quan điều tra cũng không đủ cơ sở xác định những người đứng tên những tài khoản mà Đ và T đã chuyển tiền qua để trả cho K1 gồm chị Nguyễn Thị Thu L2 (em ruột của T), vợ chồng bà Dương Thị L3, ông Dương Đức Q (trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình), bà Lê Thị L4 (trú tại nhà số I đường N, K, xã T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh), anh Thái Bá H1 (trú tại xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An), chị Phạm Tú U (trú tại tổ H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) có liên quan đến hoạt động mua bán trái phép chất ma túy của Đ và T. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng giữ nguyên quan điểm không đủ cơ sở để truy tố Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 553/2023/HS-ST ngày 28/11/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

*Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Dương Văn Đ đồng tử h về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.*

*Phạt bổ sung Dương Văn Đ 20.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.*

*Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Nguyễn Minh T tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.*

*Phạt bổ sung Nguyễn Minh T 20.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.*

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo).

Ngày 01/12/2023, Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt tử hình là quá nặng, xin được giảm hình phạt.

Ngày 05/12/2023, Dương Văn Đ có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt tử hình là quá nặng, xin được giảm hình phạt.

Đơn kháng cáo của Nguyễn Minh T và đơn kháng cáo của Dương Văn Đồng đã có xác nhận của Giám thị Trại tạm giam C, Công an Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm hình phạt, với lý do bị cáo phạm tội do không hiểu biết pháp luật, không lường được hết hậu quả của hành vi phạm tội. Bị cáo Dương Văn Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại kết luận giám định về số lượng viên ma túy cũng như khối lượng ma túy đã thu giữ, đồng thời không đồng ý việc các cơ quan tiến hành tố tụng xác định lần thứ nhất các bị cáo bán ma túy cho X được tổng số tiền 693.600.000 đồng, vì thực tế số tiền các bị cáo thu được từ việc bán ma túy cho X là 639.600.000 đồng, thu lời 54.600.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Các bị cáo mua bán ma túy với khối lượng rất lớn, gấp nhiều lần khối lượng mức khởi điểm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo còn thực hiện một lần mua bán ma túy trước đó, đã thu lợi bất chính để tiêu xài cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, xử phạt các bị cáo mức án tử hình là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trong tình hình hiện nay. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không xuất trình được chứng cứ mới làm căn cứ xem xét giảm hình phạt. Bị cáo Đ cho rằng cần giám định lại khối lượng ma túy. Tuy nhiên, các bị cáo bị bắt quả tang cùng tang vật. Sau khi thu giữ tang vật, cơ quan điều tra đã niêm phong và gửi trưng cầu giám định theo đúng trình tự tố tụng, nên việc bị cáo Đ đề nghị giám định lại là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Thị H2 Cát bào chữa cho bị cáo T phát biểu quan điểm: Bị cáo T là người có nhân thân tốt, phạm tội lần này là lần đầu. Bị cáo có trình độ học vấn thấp, phạm tội do không hiểu biết pháp luật, không ý thức được sự nguy hại cho xã hội cũng như mức hình phạt có thể phải đối diện. Từ sau khi phạm tội cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T luôn khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo tự nguyện khai ra hành vi phạm tội trước đó là thể hiện sự thành khẩn, nhưng lại bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo cho bị cáo cơ hội sống, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Dương Văn Đ không có ý kiến tự bào chữa và từ chối luật sư được Tòa án chỉ định trình bày lời bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, luật sư Huỳnh Đức T1 vẫn xin phép được trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Đ như sau: Bị cáo Đ tuổi đời còn trẻ, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, khai ra cả lần phạm tội trước đó. Các bị cáo phạm tội quả tang, vật chứng là số ma túy đã được thu giữ kịp thời, không phát tán ra ngoài xã hội nên không gây ra tác hại. Gia đình bị cáo Đ có nhiều người có công với đất nước. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Dương Văn Đ không có ý kiến gì. Bị cáo Nguyễn Minh T xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, quan điểm bào chữa của các luật sư, sau khi nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T được làm trong thời hạn luật định, phù hợp về hình thức nên là cơ sở để Tòa án xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm là đúng; các bị cáo không bị bức cung, mớm cung hay dùng nhục hình. Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết luận giám định kỹ thuật hình sự. Vì vậy, qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 07/01/2022, tại trước cửa nhà số F đường C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng chức năng phòng chống tội phạm về ma túy đã bắt quả tang Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T đang vận chuyển trái phép 2.794,39 gram ma túy tổng hợp thể rắn MDMA (tức Methylene-dioxy-meth-amphetamine, thường gọi là thuốc lắc). Quá trình tố tụng, Đ và T đã khai nhận số ma túy trên là của các bị cáo mua của đối tượng tên K1 để rồi bán lại kiếm lợi nhuận, đang trên đường vận chuyển về

nơi cư trú để cất giấu thì bị bắt quả tang. Với khối lượng ma túy bị bắt quả tang và lời thừa nhận của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Ở các lời khai ban đầu vào ngày 07/01/2022 và ngày 19/01/2022, Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T đều khai nhận vào tháng 12/2021 đã góp tiền cùng nhau mua 2.400 viên ma túy (thuốc lắc) của đối tượng tên K1 với giá 204.000.000 đồng, sau đó bán lại cho đối tượng tên X được 240.000.000 đồng, thu lợi 36.000.000 đồng chia nhau tiêu xài (BL 204, 207, 259, 268). Sau đó, đến các ngày 23/02/2022 và 25/02/2022 Đ và T lại thay đổi lời khai, xác định đã mua của K1 7.800 viên ma túy (thuốc lắc) với giá 585.000.000 đồng, sau đó bán lại cho X được 639.600.000 đồng, thu lợi 54.600.000 đồng chia nhau tiêu xài (BL 212, 273). Lý giải về việc thay đổi lời khai, Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T đều đưa ra lý do là khi mới bị bắt, sợ nặng tội nên khai đã mua bán trót lọt số lượng 2.400 viên ma túy, mà không phải là 7.800 viên ma túy. Tuy nhiên, về số tiền các bị cáo đã giao dịch mua ma túy của đối tượng tên K1 thì thấy: Quá trình điều tra, khi được điều tra viên cho xem bản sao kê tài khoản Ngân hàng thì T xác nhận đã 06 (sáu) lần chuyển khoản để trả cho K1 tổng cộng số tiền 650.000.000 đồng (BL 275-276); Đ xác nhận chuyển khoản cho K1 01 (một) lần số tiền 150.000.000 đồng (BL 217-218). Như vậy, tổng số tiền mà T và Đ xác nhận đã chuyển cho K1 là 800.000.000 đồng. Trong khi các bị cáo lại khai đã chuyển trả cho K1 đủ 585.000.000 đồng của lần mua ma túy trước và lần thứ hai thì chuyển khoản đặt cọc trước cho K1 200.000.000 đồng, tức là tổng cộng đã chuyển cho K1 785.000.000 đồng. So sánh giữa số tiền các bị cáo xác nhận đã chuyển khoản theo kết quả sao kê (là 800.000.000 đồng) và số tiền các bị cáo tự khai đã chuyển khoản cho K1 (là 785.000.000 đồng) thì thấy số tiền các bị cáo thực tế chuyển lớn hơn số tiền các bị cáo khai đã chuyển. Hơn nữa, chính Nguyễn Minh T cũng thừa nhận toàn bộ số tiền 57.557.372 đồng trong tài khoản Ngân hàng S1 mang số 040104628658 (do bị cáo nhờ chị Nguyễn Thị Thu L2 là em ruột của bị cáo đứng tên mở hộ) là số tiền bị cáo có được do mua bán ma túy (BL 276). Chỉ riêng số tiền 57.557.372 đồng mà T thừa nhận là có được do mua bán ma túy đã lớn hơn số tiền mà các bị cáo khai đã thu lợi từ lần mua bán ma túy trót lọt trước đó với X (là 54.600.000 đồng). Qua đó cho thấy ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang ngày 07/01/2022 thì các bị cáo còn hơn 1 lần khác thực hiện trót lọt hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là chính xác. Tuy nhiên, do các bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội trước đó nên được coi là tự thú đối với hành vi phạm tội này.

[2.3] Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo Đ có nhiều người thân có công lao trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc (cụ thể ông nội bị cáo là cựu dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ đãi ngộ của Nhà nước; cha đẻ và bác ruột của bị cáo từng công tác trong Quân đội, trong đó bác ruột là thương

binh và một người bác ruột khác được hưởng chế độ như thương binh). Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Đ còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Ngoài ra xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy, Dương Văn Đ giữ vai trò cao hơn Nguyễn Minh T, thể hiện ở việc rủ rê lôi kéo T cùng tham gia thực hiện tội phạm, chủ động liên hệ với người bán ma túy để mua, sau đó tìm người mua để bán lại kiếm lời. Nguyễn Minh T giữ vai trò đồng phạm tích cực, cùng góp tiền với Đ để mua ma túy, cùng đi nhận ma túy, đi bán ma túy, cùng được chia số tiền lời bất chính để tiêu xài cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và không áp dụng khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự để xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, không đánh giá vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn Đ đề nghị giám định lại về số lượng ma túy và khối lượng ma túy bị bắt giữ: Xét thấy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quả tang, tang vật đã được thu giữ, niêm phong và giám định kỹ thuật hình sự để xác định khối lượng, loại ma túy theo đúng các quy định, nên đề nghị của bị cáo Đ là không có cơ sở xem xét. Riêng về số tiền các bị cáo thu được ở lần mua bán ma túy trước: Các bị cáo khai mua của K1 7.800 viên ma túy với giá 75.000 đồng/viên, thành tiền là 585.000.000 đồng và bán lại cho X với giá 82.000 đồng/viên, được 639.600.000 đồng, thu lợi bất chính 54.600.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo thu được ở lần mua bán ma túy trước là 693.600.000 đồng là chưa chính xác. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị cáo Đ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc Dương Văn Đ phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là trái với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần rút kinh nghiệm. Nhưng do không có kháng nghị theo hướng buộc bị cáo Đ phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính, nên Hội đồng xét xử không thể làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

[2.5] Xét Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T đã mua bán ma túy với khối lượng lớn xấp xỉ 28 lần mức định lượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội nhiều lần. Mặc dù sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú ra lần phạm tội trước đó, riêng bị cáo Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm đã vượt xa cảnh báo của pháp luật, nên cần phải trừng trị nghiêm khắc bằng biện pháp loại bỏ vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội, nhằm răn đe mạnh mẽ các đối tượng có ý đồ phạm tội tương tự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T cùng với mức hình phạt tử hình là có căn cứ, đúng pháp luật, đáp ứng được đòi hỏi của xã hội đối với việc đấu

tranh phòng chống các loại tội phạm về ma túy. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được bất cứ chứng cứ, tài liệu nào chứng minh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

1. Không chấp nhận kháng cáo của Dương Văn Đ và kháng cáo của Nguyễn Minh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 553/2023/HS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tuyên bố: Dương Văn Đ và Nguyễn Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17 và Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Dương Văn Đ tù hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2. Phạt bổ sung Dương Văn Đ 20.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17 và Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Nguyễn Minh T tù hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/01/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.4. Phạt bổ sung Nguyễn Minh T 20.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

Dương Văn Đ, Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Dương Văn Đ, Nguyễn Minh T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (kèm hồ sơ vụ án);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Tp HCM;
- VKSND Tp HCM;
- Cục THADS Tp HCM;
- Công an Tp HCM;
- Sở tư pháp Tp HCM;
- TTG Chí Hòa Công an Tp HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu (10) 20b (NVK).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Anh Văn**